

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 22-9-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trương Thị Tất.

Ông La Văn Châu

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Phương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương
tham gia phiên tòa:*** Ông Thái Hoàng Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh
Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 154/2020/TLST-HNGĐ
ngày 21 tháng 5 năm 2020 về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo Quyết
định đưa vụ án ra xét xử số 51/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2020
và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2020/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm
2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1989; cư trú tại: ấp Bến S, xã
Long N, huyện Bàu B, tỉnh Bình D, có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1987; cư trú tại: ấp Bến S, xã Long
N, huyện Bàu B, tỉnh Bình D, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại Đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 5 năm 2020 và trong quá trình xét xử,
nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:*

Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị T đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Văn N tại
Ủy ban nhân dân xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương vào ngày 04
tháng 3 năm 2008 (Giấy chứng nhận kết hôn số 21). Sau khi kết hôn anh chị sống
hạnh phúc được thời gian đầu sau đó đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn do anh N thường xuyên uống rượu, đánh đập vợ con không chăm lo làm ăn. Chị T và anh N đã ly thân từ ngày 30 tháng 4 năm 2019 cho đến nay. Chị T nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với anh N nên chị T yêu cầu được ly hôn anh N.

Về nuôi con chung: chị T và anh N có 02 con chung tên Nguyễn Ngân H, sinh ngày 22 tháng 01 năm 2008 và Nguyễn Ngân T, sinh ngày 19 tháng 01 năm 2013. Chị T yêu cầu được nuôi cháu T, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Chị T đồng ý giao cháu H cho anh N nuôi, chị T không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản, nợ chung: chị T không tranh chấp không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 25 tháng 5 năm 2020 anh Nguyễn Văn N trình bày:

Về hôn nhân: thống nhất với lời trình bày của chị N về thời gian đăng ký kết hôn. Về nguyên nhân mâu thuẫn như lời trình bày của chị T thì anh N không đồng ý. Anh N thừa nhận trước đây anh có uống rượu nhưng gần đây anh không còn uống rượu nữa. Anh N không có hành vi đánh đập chị T. Anh N không đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: thống nhất lời trình bày của chị T về con chung. Anh và chị T có 02 con chung tên chung tên Nguyễn Ngân H, sinh ngày 22 tháng 01 năm 2008 và Nguyễn Ngân T, sinh ngày 19 tháng 01 năm 2013. Anh N có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung.

Về chia tài sản chung và nợ chung: không tranh chấp không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án: quá trình giải quyết vụ án, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: chị Nguyễn Thị T khởi kiện anh Nguyễn Văn N về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con; anh Nguyễn Văn N có nơi cư trú tại ấp Bến S, xã Long N, huyện Bàu B, tỉnh Bình D nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình

Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tòa án triệu tập hợp lệ anh N lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng anh N vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh N.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

[3.1] Về hôn nhân: hôn nhân của chị T và anh N là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ; chung sống hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn do anh N thường xuyên uống rượu, đánh đập vợ con. Chị T và anh N đã ly thân từ ngày 30 tháng 4 năm 2019 cho đến nay. Do không còn tình cảm với anh N nên chị T yêu cầu được ly hôn. Anh N không đồng ý với lời trình bày của chị T anh N cho rằng không còn uống rượu và không có hành vi đánh đập vợ con. Anh N không đồng ý ly hôn với chị T.

Xét thấy: quá trình tố tụng cho đến nay, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần để hòa giải nhưng anh N vắng mặt không có lý do. Anh N không muốn ly hôn với chị T nhưng không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên tòa là từ bỏ quyền lợi của mình. Anh N thừa nhận có uống rượu không lo làm ăn phù hợp với lời khai và lời trình bày của chị T tại phiên tòa ngày hôm nay. Hiện nay, chị T và anh N đã không sống chung với nhau không quan tâm lo lắng, chăm sóc cho nhau. Xét thấy, chị T và anh N là vợ chồng nhưng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không sống chung với nhau là không thực hiện đúng nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Nay, chị T không muốn tiếp tục chung sống với anh N nên chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn anh N theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị T và anh N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, quyết định cho chị T và anh N ly hôn.

[3.2] Về nuôi con chung: chị T và anh N có hai con chung tên Nguyễn Ngân H, sinh ngày 22 tháng 01 năm 2008 và Nguyễn Ngân T, sinh ngày 19 tháng 01 năm 2013. Chị T yêu cầu được nuôi cháu T, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Chị T đồng ý giao cháu H cho anh N nuôi, chị T không cấp dưỡng nuôi con. Xét, yêu cầu này của chị T là hoàn toàn phù hợp, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu H và cháu T. Căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T.

Chị T có trách nhiệm giao cháu Nguyễn Ngân H, sinh ngày 22 tháng 01 năm 2008 cho anh N trực tiếp nuôi, chị T không cấp dưỡng nuôi con.

Anh N có trách nhiệm giao cháu Nguyễn Ngân T, sinh ngày 19 tháng 01 năm 2013 cho chị T trực tiếp nuôi, anh N không cấp dưỡng nuôi con.

Chị T và anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.3] Về chia tài sản và nợ chung: chị T không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

[5] Về án phí: chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn N.

Về nuôi con chung:

Chị Nguyễn Thị T có trách nhiệm giao con chung tên Nguyễn Ngân H, sinh ngày 22 tháng 01 năm 2008 cho anh Nguyễn Văn N trực tiếp nuôi, chị Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn N có trách nhiệm giao con chung tên Nguyễn Ngân T, sinh ngày 19 tháng 01 năm 2013 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi, anh Nguyễn Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp chị T lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị T.

Anh Nguyễn Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp anh N lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh N.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con. Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

Về chia tài sản chung và nợ chung: chị Nguyễn Thị T không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0038820 ngày 15 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết công khai.

4. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Bàu Bàng;
- UBND xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng;
- Đường sự;
- Cổng Thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu: hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Tùng

